

Số: 533/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trường phòng Quản lý đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy” áp dụng từ Khóa 9 (niên khoá 2018 – 2022) của Học viện Chính sách và Phát triển (*File kèm theo*).

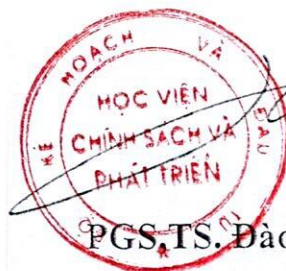
**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, Hội đồng Khoa học và Đào tạo đề nghị Giám đốc Học viện xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

**Điều 3.** Trường phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng các Khoa/Bộ môn, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Đào Văn Hùng

# CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KINH TẾ, CHUYÊN NGÀNH KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 533/QĐ-HVCSPT ngày 10 tháng 8 năm 2018 của  
Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

## I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Kinh tế

Tên tiếng Anh: Economics

- Mã số ngành đào tạo: 7310101

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Kinh tế

Tiếng Anh: Bachelor in Economics

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:

Khoa Kế hoạch phát triển, Học viện Chính sách và Phát triển

### 1.2. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo cử nhân đại học về Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về kinh tế kế hoạch phát triển; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.

## II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Về kiến thức

#### a. Kiến thức cơ bản

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

#### *b. Kiến thức chuyên sâu*

6. Vận dụng các quy luật cơ bản trong lĩnh vực xã hội, tự nhiên vào việc phân tích và đề xuất các chính sách trong các lĩnh vực kinh tế, đầu tư – kinh doanh

7. Hiểu được vai trò của nhà kinh tế, xây dựng được các phương án sản xuất kinh doanh trong tương lai nhằm đem lại lợi ích cho xã hội và doanh nghiệp.

8. Hiểu và vận dụng vào thực tiễn các công cụ toán kinh tế, khoa học tự nhiên, kiến thức cơ bản về kinh tế; mối quan hệ giữa các yếu tố nguồn lực phát triển, tương tác giữa các nguồn lực phát triển, lựa chọn nguồn lực phát triển cho nền kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp;

9. Hiểu về kế hoạch nguồn lực, xây dựng mục tiêu phát triển của doanh nghiệp, thực hiện các kế hoạch phát triển của nền kinh tế và doanh nghiệp;

10. Vận dụng các lý thuyết phát triển hiện đại, phân tích bối cảnh phát triển, phân tích SWOT trong phát triển của nền kinh tế và của doanh nghiệp, định hướng phát triển phù hợp với điều kiện và nguồn lực của nền kinh tế và doanh nghiệp;

11. Hiểu về các loại hình doanh nghiệp và quy trình thành lập, tái cơ cấu, giải thể, phá sản doanh nghiệp.

## **2.2. Về kỹ năng**

### *2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

12. Có kỹ năng làm việc độc lập: Khả năng tự học, và nghiên cứu khoa học độc lập, tư duy phản biện, tư duy hệ thống, nghiên cứu các vấn đề kinh tế phát triển

13. Có kỹ năng giao tiếp và thuyết trình: Trình bày một cách rõ ràng, tự tin và thuyết phục các chủ đề về kinh tế-xã hội bằng văn bản và lời nói.

14. Có kỹ năng tư vấn kinh tế, hùng biện, phản biện, tranh luận; có kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và phân tích độc lập các vấn đề liên quan đến kinh tế-xã hội

15. Khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách khoa học; có kỹ năng làm việc và tổ chức công việc theo nhóm; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

### *2.2.2. Kỹ năng mềm*

16. Có khả năng sử dụng Ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế. Đạt chứng chỉ ngoại ngữ đầu ra theo quy định của Học viện;

17. Có trình độ tin học tối thiểu theo chuẩn chung của Học viện Chính sách và Phát triển: đạt chứng chỉ IC3 hoặc tương đương; có kiến thức tin học căn bản, kỹ năng giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng các ứng dụng phần mềm của Microsoft Office; vận dụng thành thạo kỹ năng thuyết trình và truyền đạt thông tin sử dụng phần mềm MS- Power Point; nắm vững kỹ năng tham gia quá trình phát triển các hệ thống thông tin hỗ trợ các hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn của mình với tư cách người sử dụng; Sử dụng hiệu quả phần mềm ứng dụng phục vụ chuyên môn trong môi trường Internet, các phần mềm phân tích kinh tế vĩ mô và vi mô như Eviews, SPSS, STATA,...).

### *2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm*

18. Có phẩm chất đạo đức cá nhân như: Tự tin, linh hoạt, kiên trì, nhiệt tình...;

19. Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như: Say mê nghiên cứu, khám phá kiến thức và có trách nhiệm trong công việc;

20. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

# CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KINH TẾ, CHUYÊN NGÀNH ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 533/QĐ-HVCSPT ngày 10 tháng 8 năm 2018 của  
Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

## I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Kinh tế

Tên tiếng Anh: Economics

- Mã số ngành đào tạo: 7310101

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Kinh tế

Tiếng Anh: Bachelor in Economics

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:

Khoa Tài chính Đầu tư, Học viện Chính sách và Phát triển

### 1.2. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo cử nhân đại học về Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, được đào tạo chuyên sâu về đầu tư phát triển và đầu tư tài chính; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.

## II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Về kiến thức

#### a. Kiến thức cơ bản

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

#### *b. Kiến thức chuyên sâu*

6. Nắm bắt được các văn bản pháp luật về đầu tư và quản lý dự án đầu tư để vận dụng vào các hoạt động đầu tư phát triển và đầu tư tài chính.

7. Có kiến thức chuyên sâu, vận dụng thành thạo các nghiệp vụ lập, phân tích, thẩm định các dự án đầu tư phát triển cả khu vực công và khu vực tư qua đó đánh giá hiệu quả, của dự án để ra quyết định đầu tư, đề xuất chính sách quản lý hoạt động đầu tư cả khu vực công và khu vực tư.

8. Hiểu rõ quy trình quản lý dự án của các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, khu vực công, nội dung các nghiệp vụ trong chu trình quản lý dự án, áp dụng các công cụ để quản trị dự án hiệu quả, đạt tiến độ, chất lượng với chi phí hợp lý.

9. Phân tích, đánh giá được rủi ro kinh tế vĩ mô, rủi ro ngành nghề và rủi ro tài chính ảnh hưởng đến dự án đầu tư phát triển và đầu tư tài chính từ đó hoạch định các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu đến hoạt động đầu tư.

10. Có kỹ năng phân tích tài chính và định giá doanh nghiệp và tổ chức kinh tế để phục vụ các công tác quản trị tài chính dự án, phát hành huy động vốn.

11. Có kiến thức chuyên sâu và vận dụng các công cụ phân tích, định giá tài sản để ra quyết định đầu tư tài chính của các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, ngân hàng, quỹ đầu tư và các công ty chứng khoán.

## **2.2. Về kỹ năng**

### *2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

12. Kỹ năng phân tích: thành thạo trong việc phân tích, tổng hợp và xử lý những vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư như lựa chọn cơ hội đầu tư; xác định kết quả và hiệu quả đầu tư; đánh giá rủi ro đầu tư và đưa ra quyết định đầu tư.

13. Có kỹ năng làm việc độc lập: Khả năng tự học, và nghiên cứu khoa học độc lập, tư duy phản biện, tư duy hệ thống, nghiên cứu các vấn đề kinh tế và đầu tư; có kỹ năng làm việc và tổ chức công việc theo nhóm.

14. Kỹ năng hoạch định chính sách: Có khả năng xây dựng các chiến lược, kế hoạch đầu tư, xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư của các tổ chức kinh tế - xã hội.

15. Kỹ năng quản lý và giám sát các chương trình hay dự án đầu tư: Có khả năng vận dụng các công cụ và phương pháp tiên tiến trong tổ chức, kiểm tra, giám sát thực hiện các chính sách đầu tư, các chương trình, dự án đầu tư;

### *2.2.2. Kỹ năng mềm*

16. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

17. Có khả năng sử dụng Ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

18. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh.

### **2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm**

19. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

20. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến đánh giá tác động của hoạt động đầu tư đến đời sống kinh tế xã hội, đề xuất các giải pháp và chính sách liên quan đến lĩnh vực đầu tư và các nghiệp vụ thông thường.

# CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 533/QĐ-HVCSPT ngày 10 tháng 8 năm 2018  
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

## I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Kinh tế quốc tế

Tên tiếng Anh: International Economics

- Mã số ngành đào tạo: 7310106

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Kinh tế quốc tế

Tiếng Anh: Bachelor in International Economics

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:

Khoa Kinh tế đối ngoại, Học viện Chính sách và Phát triển

### 1.2. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo cử nhân đại học ngành Kinh tế quốc tế chuyên ngành Kinh tế đối ngoại có kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản lý và kiến thức chuyên môn về kinh tế quốc tế, nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý và kinh tế học hiện đại; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có khả năng tư duy độc lập và năng lực tự tìm kiếm, bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc

## II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Về kiến thức

#### a. Kiến thức cơ bản

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa mác – Lê Nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản, đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.



5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

*b. Kiến thức chuyên sâu:*

6. Nắm vững những kiến thức chuyên môn sâu về thương mại quốc tế bao gồm các lý thuyết về trao đổi quốc tế về hàng hóa, lý thuyết về lợi thế so sánh, các nguyên tắc, công cụ, các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực thương mại quốc tế. Đánh giá, phân tích được và vận dụng được kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn về lĩnh vực thương mại quốc tế ở cấp độ quốc gia, siêu quốc gia và doanh nghiệp.

7. Nắm vững những kiến thức chuyên môn sâu về đầu tư quốc tế bao gồm các lý thuyết về di chuyển quốc tế về vốn, các nguyên tắc, công cụ của đầu tư trực tiếp nước ngoài, đầu tư gián tiếp. Đánh giá, phân tích được và vận dụng được kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn về lĩnh vực đầu tư vào và ra ở cấp độ quốc gia, siêu quốc gia và doanh nghiệp.

8. Hiểu và có kiến thức chuyên môn sâu về thị trường quốc tế; có khả năng vận dụng các kiến thức marketing quốc tế vào giải quyết các vấn đề kinh doanh quốc tế.

9. Nắm vững và có kiến thức chuyên môn về tài chính quốc tế quốc tế, các vấn đề tỷ giá, ngoại hối; có thể vận dụng các kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

10. Có kiến thức chuyên môn sâu về luật kinh tế quốc tế, về đàm phán kinh tế quốc tế, đánh giá và phân tích, ứng dụng được các kiến thức này vào hỗ trợ, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

11. Hiểu và có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình phân tích chính sách kinh tế đối ngoại, kinh tế quốc tế.

12. Có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình hoạch định chính sách kinh tế, kinh tế quốc tế.

13. Có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế đối ngoại để tham gia vào quá trình hoạt động quản lý liên quan đến lĩnh vực quan hệ kinh tế quốc tế của quốc gia với các nước, khu vực, các tổ chức quốc tế.

## **2.2. Về kỹ năng**

*a. Kỹ năng nghề nghiệp*

14. Khả năng làm việc trong các ngành nghề khác nhau trong lĩnh vực kinh tế quốc tế;

15. Sẵn sàng thích ứng khi thay đổi vị trí công tác hoặc công việc hay môi trường làm việc;

*b. Kỹ năng mềm*

16. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo;

17. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế;

18. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh.

**2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm**

19. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

20. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH  
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 533/QĐ-HVCSPT ngày 10 tháng 8 năm 2018  
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

**I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Quản trị kinh doanh

Tên tiếng Anh: Business Administration

- Mã số ngành đào tạo: 7340101

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh

Tiếng Anh: Bachelor in Business Administration

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:

Khoa Quản trị doanh nghiệp, Học viện Chính sách và Phát triển

**1.2. Mục tiêu đào tạo:**

Đào tạo cử nhân đại học ngành Quản trị kinh doanh chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản lý, quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Quản trị doanh nghiệp; có khả năng thích ứng nhanh với các nhiệm vụ cụ thể của doanh nghiệp trong bối cảnh liên kết chuỗi giá trị toàn cầu.

**II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**2.1. Về kiến thức**

*a. Kiến thức cơ bản*

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê Nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản, đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

*b. Kiến thức chuyên sâu:*

6. Nắm vững hệ thống quản trị của doanh nghiệp theo quy trình, theo lĩnh vực và chức năng.

7. Xây dựng và phân tích được chiến lược của doanh nghiệp: Chiến lược kinh doanh và các chiến lược tài chính, nhân sự, marketing.

8. Biết và nắm vững việc xây dựng mô hình kinh doanh cho việc khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp.

9. Phân tích, đánh giá được hành vi khách hàng cá nhân và doanh nghiệp trong môi trường truyền thông và các kênh hiện đại.

## **2.2. Về kỹ năng**

### *a. Kỹ năng nghề nghiệp*

10. Hiểu và xây dựng được các mô hình, kế hoạch kinh doanh.

11. Thành thạo công cụ thu thập và phân tích dữ liệu từ khách hàng, đối thủ cạnh tranh, các đối tác liên quan để giải quyết các vấn đề kinh doanh.

12. Thành thạo trong việc lập kế hoạch marketing cho doanh nghiệp phù hợp với các kênh và tối ưu việc phân bổ ngân sách.

13. Vận dụng linh hoạt và thành thạo các công cụ truyền thông marketing dựa trên nền tảng truyền thông và nền tảng số.

14. Thực hiện được các cuộc điều tra nghiên cứu thị trường và phân tích môi trường kinh doanh; Sử dụng được một số công cụ phần mềm, phân tích, giải thích các vấn đề cơ bản trong thực tiễn quản trị doanh nghiệp;

15. Cập nhật và vận dụng được sự thay đổi về chính sách, qui định liên quan đến sản xuất kinh doanh ở Việt Nam để giải quyết một số vấn đề cơ bản trong thực tế;

### *b. Kỹ năng mềm*

16. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng quản lý, lãnh đạo.

17. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ (Tiếng Anh) một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

18. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh.

## **2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm**

19. Có phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

20. Có năng lực nắm bắt các vấn đề về quản trị, điều hành trong doanh nghiệp, ra các quyết định kinh doanh trong phạm vi công việc đảm nhiệm.

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ**  
**CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CHẤT LƯỢNG CAO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 533/QĐ-HVCSPT*

*ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

## **I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Kinh tế quốc tế

Tên tiếng Anh: International Economics

- Mã số ngành đào tạo: 7310106

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Kinh tế quốc tế

Tiếng Anh: Bachelor in International Economics

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:

Viện Đào tạo Quốc tế, Học viện Chính sách và Phát triển

### **1.2. Mục tiêu đào tạo:**

Đào tạo cử nhân đại học ngành Kinh tế quốc tế, chuyên ngành Kinh tế đối ngoại Chất lượng cao có kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản lý và kiến thức chuyên môn về kinh tế quốc tế, nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý và kinh tế học hiện đại; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có khả năng tư duy độc lập và năng lực tự tìm kiếm, bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc.

## **II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **2.1. Về kiến thức**

#### *a. Kiến thức cơ bản*

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản, đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

*b. Kiến thức chuyên sâu:*

6. Nắm vững những kiến thức chuyên môn sâu về thương mại quốc tế bao gồm các lý thuyết về trao đổi quốc tế về hàng hóa, lý thuyết về lợi thế so sánh, các nguyên tắc, công cụ, các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực thương mại quốc tế. Đánh giá, phân tích được và vận dụng được kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn về lĩnh vực thương mại quốc tế ở cấp độ quốc gia và doanh nghiệp.

7. Nắm vững những kiến thức chuyên môn sâu về đầu tư quốc tế bao gồm các lý thuyết về dịch chuyển đầu tư quốc tế, các nguyên tắc, công cụ của đầu tư trực tiếp, gián tiếp nước ngoài. Đánh giá, phân tích được và vận dụng được kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn về lĩnh vực đầu tư quốc tế ở cấp độ quốc gia và doanh nghiệp.

8. Hiểu và có kiến thức chuyên môn sâu về thị trường quốc tế; có khả năng vận dụng các kiến thức marketing quốc tế vào giải quyết các vấn đề kinh doanh quốc tế.

9. Nắm vững và có kiến thức chuyên môn về tài chính quốc tế, các vấn đề tỷ giá, ngoại hối; có thể vận dụng các kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

10. Có kiến thức chuyên môn sâu về luật kinh tế quốc tế, về đàm phán kinh tế quốc tế, đánh giá và phân tích, ứng dụng được các kiến thức này vào hỗ trợ, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

11. Có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình phân tích chính sách;

12. Có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình hoạch định chính sách;

13. Có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình hoạt động quản lý liên quan đến lĩnh vực quan hệ kinh tế quốc tế của quốc gia với các nước, khu vực và các tổ chức quốc tế. Các kiến thức chuyên môn sâu về thương mại quốc tế;

## **2.2. Về kỹ năng**

### **a. Kỹ năng nghề nghiệp**

14. Khả năng làm việc trong các ngành nghề khác nhau trong lĩnh vực kinh tế quốc tế;

15. Sẵn sàng thích ứng khi thay đổi vị trí công tác hoặc công việc hay môi trường làm việc ở cả trong nước và quốc tế;

### **b. Kỹ năng mềm**

16. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo;

17. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ tương đối thành thạo trong giao tiếp và trao đổi chuyên môn với đồng nghiệp, đối tác ở môi trường trong nước và quốc tế;

18. Sử dụng thành thạo các phần mềm Tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh.

## **2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm**

19. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

20. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.

# CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 533 /HVCSTP-QLĐT ngày 10 tháng 8 năm 2018 của  
Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

## I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Quản lý công

Tên tiếng Anh: Public Management

- Mã số ngành đào tạo: 7310205

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản lý nhà nước

Tiếng Anh: Bachelor in State Management

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:

Khoa Kinh tế đối ngoại, Học viện Chính sách và Phát triển

### 1.2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân về Quản lý công có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội, tinh thần vì cộng đồng xã hội; tuân thủ pháp luật, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu về Quản lý, phân tích và đánh giá chính sách, tổ chức quản lý và triển khai thực hiện các chính sách ở các cấp độ khác nhau trong bộ máy hành chính nhà nước; kiến thức về đầu tư, tài chính kế toán và truyền thông trong khu vực công, có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự học bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

## II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Về kiến thức

#### 2.1.1. Kiến thức cơ bản

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.





2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, quản lý, đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực công và tư
3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng các công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề về kinh tế, quản lý kinh tế, quản lý công, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, phản biện những vấn đề liên quan đến kinh tế, quản lý.
4. Hiểu về quy trình chính sách và tác động của chính sách, biết vận dụng các kiến thức về quản lý công trong việc lập kế hoạch, hoạch định, tổ chức thực hiện và đề xuất các hàm ý chính sách cho các chương trình, dự án phát triển và chính sách của một tổ chức.
5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

#### *2.1.2. Kiến thức chuyên sâu*

6. Hiểu về vai trò, vị trí tổ chức hệ thống chính trị, bộ máy nhà nước Việt Nam và những nội dung cơ bản trong Hiến pháp Việt Nam
7. Hiểu về các lĩnh vực pháp luật khác như: Pháp luật đầu tư, pháp luật lao động, pháp luật sở hữu trí tuệ, đất đai, môi trường, giao dịch điện tử, thương mại.
8. Hiểu về bản chất, vai trò của hoạt động của quản lý trong kinh tế, xã hội, đầu tư phát triển, quản lý công; đầu tư công và quan hệ quốc tế trong đầu tư; quản lý tài chính công; quản lý Nhà nước về kinh tế; quản lý nguồn nhân lực;
9. Biết vận dụng các kiến thức về quản lý công, quản lý kinh tế trong nền kinh tế số; có đủ kiến thức để phục vụ quá trình chuyển đổi nền kinh tế và tiến tới nền kinh tế thị trường hiện đại.

### **2.2. Về kỹ năng**

#### *2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

10. Kỹ năng xử lý tình huống, có khả năng làm việc độc lập dưới áp lực về thời gian và khối lượng công việc, có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn.
11. Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn trong phân tích và đề xuất các phương thức quản lý trong các lĩnh vực kinh tế, đầu tư – kinh doanh; vận hành khu vực hành chính công và các hoạt động kinh tế xã hội trong khu vực khác.

#### *2.2.2. Kỹ năng mềm*

12. Có kỹ năng giao tiếp tốt và thuyết trình: Trình bày một cách rõ ràng, tự tin và thuyết phục các chủ đề về kinh tế, quản lý; khu vực công và xã hội. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

13. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong môi trường làm việc bằng tiếng Anh

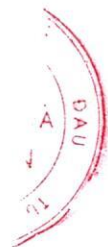
14. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và điều hành công việc, đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

### ***2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm***

15. Trở thành công dân có sức khỏe tốt, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức chấp hành pháp luật trong nghề nghiệp, thái độ hợp tác trong công việc, có trách nhiệm trong công việc được giao, có thái độ hợp tác tốt với đồng nghiệp, tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

16. Có khả năng thích ứng trong môi trường nghề nghiệp mang tính cạnh tranh và quốc tế, sẵn sàng đương đầu với rủi ro, khó khăn, luôn kiên trì, tự tin, lạc quan, sáng tạo trong công việc và cuộc sống.

17. Có ý thức tự rèn luyện và nâng cao năng lực chuyên môn.



# CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 533/QĐ-HVCSPT ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

## I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Tài chính - Ngân hàng

Tên tiếng Anh: Finance - Banking

- Mã số ngành đào tạo: 72340201

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng

Tiếng Anh: Bachelor in Finance - Banking

### 1.2. Mục tiêu đào tạo

#### 1.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành Tài chính – Ngân hàng đáp ứng các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

#### 1.2.2 Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về giáo dục đại cương, kiến thức căn bản về ngành Tài chính – Ngân hàng và kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Tài chính hoặc Ngân hàng để sinh viên có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và sáng tạo

trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, ngân hàng và các loại hình tổ chức kinh tế – xã hội khác.

Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng chuyên môn, thực hành nghiệp vụ, kỹ năng phân tích, nghiên cứu, ứng dụng ngoại ngữ, tin học, các kỹ năng mềm khác... để trở thành một cán bộ tài chính, ngân hàng chuyên nghiệp, làm việc một cách có hiệu quả trong môi trường kinh doanh hội nhập quốc tế và áp dụng công nghệ hiện đại.

Giúp cho sinh viên hiểu rõ và trau dồi phẩm chất đạo đức, tác phong của một cán bộ tài chính, ngân hàng; có ý thức trách nhiệm, nhiệt tình, tâm huyết và tự tin với nghề nghiệp, với công việc được giao.

## **II. CHUẨN ĐẦU RA**

### **2.1. Về kiến thức**

#### ***2.1.1. Kiến thức chung của ngành***

[1] Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

[2] Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

[3] Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

[4] Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

[5] Có kiến thức căn bản về nền kinh tế nói chung và ngành Tài chính – Ngân hàng nói riêng như: Kiến thức về tài chính, tiền tệ, thị trường tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, thuế, tài chính công, tài chính quốc tế...

[6] Có khả năng vận dụng các kiến thức căn bản về kinh tế, Tài chính - Ngân hàng vào thực tiễn trong các hoạt động tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, đầu tư, chứng khoán, bảo hiểm.

### **2.1.2. Kiến thức chuyên sâu**

#### *a. Chuyên ngành Tài chính*

[7] Nắm vững các kiến thức chuyên sâu về quản lý tài chính công, quản lý tài chính doanh nghiệp hiện đại, bao gồm các kiến thức và nghiệp vụ về phân tích tài chính doanh nghiệp, quản trị rủi ro tài chính, đầu tư tài chính, thuế trong doanh nghiệp, thuế và hệ thống thuế của Nhà nước, vv.

[8] Nắm vững và có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên sâu về phân tích báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh, kế toán doanh nghiệp.

[9] Hiểu, vận dụng và phân tích được kiến thức chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp: Chi phí, doanh thu, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận; rủi ro và tỷ suất sinh lời; đầu tư dài hạn và định giá tài sản; vốn kinh doanh của doanh nghiệp; nguồn vốn và các công cụ huy động vốn của doanh nghiệp. Đánh giá, tổng hợp và giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực tài chính.

#### *b. Chuyên ngành Tài chính CLC*

[7] Hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu, các kỹ năng để phân tích, đánh giá, và đề xuất các giải pháp liên quan đến hoạt động quản trị tài chính doanh nghiệp hiện đại trong bối cảnh hội nhập quốc tế như: phân tích tình hình hoạt động kinh doanh, phân tích tình hình và quản trị tài chính của doanh nghiệp, phân tích các dự án và cơ hội đầu tư,...

[8] Nắm vững và vận dụng được kiến thức chuyên sâu để thực hành các nghiệp vụ cơ bản trong hoạt động kế toán, thuế, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán....

[9] Hiểu và có kiến thức chuyên sâu về tài chính quốc tế, về mối liên hệ giữa lạm phát, lãi suất và tỷ giá cũng như ảnh hưởng của các biến số này tới nền kinh tế quốc gia cũng như hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

#### *c. Chuyên ngành Ngân hàng*

[7] Nắm vững nguyên lý chung, cũng như kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành ngân hàng như: hệ thống các tổ chức tín dụng của Việt Nam, hoạt động của ngân hàng trung ương, hoạt động của các ngân hàng thương mại.

[8] Vận dụng được các kiến thức lý thuyết và thực tiễn để biết cách đánh giá, lựa chọn các sản phẩm dịch vụ ngân hàng phù hợp, cũng như phân tích, ra quyết định và hoạch định chính sách liên quan đến lĩnh vực ngân hàng.

[9] Nắm vững các kiến thức về bảo hiểm, ngành liên quan trực tiếp tới ngân hàng.

## **2.2. Về kỹ năng**

### **2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp**

[10] Có kỹ năng tư duy chiến lược, tư duy quản trị, có thể nhận thức và phân tích các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức, để vận dụng linh hoạt vào các hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nói chung.

[11] Có thể nhận thức các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức, kỹ năng thu thập thông tin dữ liệu, phân tích, tổng hợp, đánh giá, lập luận, vận dụng các kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kiến thức của nhóm ngành tài chính để giải quyết các vấn đề thực tế về kinh tế, tài chính, ngân hàng ở tầm vi mô và vĩ mô.

Đối với chuyên ngành Tài chính: Có kỹ năng về nghiệp vụ chuyên nghiệp trên tất cả các hoạt động tài chính - kế toán tại các loại hình doanh nghiệp trong nước và quốc tế và một số kỹ năng nghiệp vụ quan trọng khác về đầu tư, ngân hàng, tài chính công, tài chính quốc tế, vv.

Đối với chuyên ngành Tài chính chất lượng cao: Có kỹ năng nghiệp vụ trong các ngành nghề khác nhau như kế toán, thuế, tài chính doanh nghiệp, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm.... tại các đơn vị công hoặc doanh nghiệp tư nhân trong nước và quốc tế. Sẵn sàng thích ứng khi thay đổi vị trí công tác hoặc công việc hay môi trường làm việc ở cả trong nước và quốc tế.

Đối với chuyên ngành Ngân hàng: Có kỹ năng nghiệp vụ về các hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác trong nước và quốc tế như kế toán, nguồn vốn, tín dụng, đầu tư, thanh toán quốc tế, đầu tư tài chính, quản trị rủi ro.

[12] Khả năng sử dụng Ngoại ngữ và tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

+ Ngoại ngữ:

Đối với hệ đại học chuẩn (đại trà), sinh viên cần đạt chứng chỉ 450 TOEIC quốc tế hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (450 TOEFL ITP; 45 TOEFL iBT; 4.5 IELTS).

Đối với hệ Chất lượng cao, sinh viên cần đạt chứng chỉ IELTS 5.5 quốc tế hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế 4 kỹ năng tương đương (500 TOEFL ITP; 61 TOEFL iBT).

+ Tin học: Sinh viên cần đạt 2 trong 3 chứng chỉ tin học quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) bao gồm Word, Excel và PPT đạt tổng điểm tối thiểu 1400. Hoặc đạt chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư 03/3014/TT-BTTTT).

### **2.2.2. Kỹ năng mềm**

[13] Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành, khả năng tự học và nghiên cứu khoa học... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

[14] Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng.

### **2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm**

[15] Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

[16] Khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

[17] Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.

## **III. VỊ TRÍ LÀM VIỆC CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên ngành Tài chính – Ngân hàng sau khi tốt nghiệp:

Đảm nhận công việc ở tất cả các vị trí thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng của các cơ quan nhà nước: Các Bộ, Sở, Phòng, Ban ..., tất cả các loại hình doanh nghiệp, các tổ chức trong nền kinh tế.

Đảm nhận công tác nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, các Viện nghiên cứu trong lĩnh vực Tài chính- Ngân hàng.

### **3.1. Chuyên ngành Tài chính**

Cử nhân chuyên ngành Tài chính khi tốt nghiệp đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và Tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển và có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công việc khác nhau tại các cơ quan quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư, tài chính, thuế, kho bạc, ngân hàng nhà nước; các viện nghiên cứu kinh tế tổng hợp và liên quan đến tài chính, tiền tệ, quản lý đầu tư; thuế, phân tích định lượng và thẩm định các dự án đầu tư; phân tích tài chính doanh nghiệp, định giá tài sản....; các tổ chức tài chính, các công ty và tập đoàn kinh tế nhà nước và cổ phần của Nhà nước.

### **3.2. Chuyên ngành Ngân hàng**

Cử nhân chuyên ngành Ngân hàng khi tốt nghiệp đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và Tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển và có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công việc khác nhau: chuyên viên trong các cơ quan quản lý nhà nước về Tài chính – Ngân hàng từ Trung Ương đến địa phương; chuyên viên trong các doanh nghiệp và các tổ chức tài chính trung gian, đặc biệt là các vị trí chuyên viên quản lý tín dụng, chuyên viên quan hệ khách hàng, cán bộ tín dụng, cán bộ huy động vốn, chuyên viên quản trị rủi ro (tín dụng, lãi suất, thanh khoản, hoạt động....) giảng viên, nghiên cứu viên trong các viện, trường đại học và các tư vấn viên trong các tổ chức tài chính khác.

### **3.3. Chuyên ngành Tài chính chất lượng cao**

Cử nhân chuyên ngành Tài chính chương trình Chất lượng cao khi tốt nghiệp đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và Tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển và có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công việc khác nhau tại: (i) Khối/ban tài chính – kế toán của các doanh nghiệp; (ii) Ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác; (iii) Công ty chứng khoán, công ty tài chính, quỹ đầu tư; (iv) Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (bộ phận tài chính - kế toán của các doanh nghiệp FDI, ngân hàng nước ngoài, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư nước ngoài); (v) Cơ quan



quản lý tài chính cấp Trung ương hoặc địa phương và (vi) Các trường Đại học, Viện nghiên cứu, tổ chức tài chính quốc tế (World Bank, ADB, IMF).

#### **IV. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG**

Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học.

#### **V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU, CHUẨN QUỐC TẾ THAM KHẢO**

Chương trình đào tạo ngành Ngân hàng của Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam;

Chương trình đào tạo ngành Tài chính doanh nghiệp của Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam;

Chương trình đào tạo chuyên ngành Ngân hàng của Đại học Ngoại thương, Việt Nam;

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp chương trình chất lượng cao của Học viện Tài chính, Việt Nam;

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính của Đại học Purdue, Mỹ;

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của Đại học Middlesex, Anh;

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính của Đại học Saint Mary, Canada;

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính của Đại học Sydney, Australia;

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của Đại học Quốc gia Singapore, Singapore.